

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc (sau đây được gọi là “Ban Giám đốc”) đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch Công ty
Ông Nguyễn Văn Tánh	Giám đốc
Ông Lê Trung Cang	Phó Giám đốc
Ông Ngô Vĩnh Khanh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ tháng 4/2023)
Ông Nguyễn Văn Sáu	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Đinh Phú Thọ.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Nguyễn Văn Phú

Chủ tịch Công ty

Bình Định, ngày 04 tháng 8 năm 2023

Số: 781/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định (sau đây được gọi là “Công ty”), được lập ngày 04/08/2023, từ trang 07 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/06/2023. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 30/06/2023, Công ty hạch toán tăng Chi phí phải trả với số tiền 9.324.851.489 đồng, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ cơ sở cho việc hạch toán này, do đó chúng tôi không đưa ý kiến về vấn đề này cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Hải

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1395-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2023

Lê Đức Hạnh

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3340-2020-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.384.252.555	24.885.679.788
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	24.567.508.171	13.935.653.657
Tiền	111		9.067.508.171	3.435.653.657
Các khoản tương đương tiền	112		15.500.000.000	10.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.806.145.222	9.977.811.996
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	5.294.690.861	12.117.138.180
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		121.167.363	30.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		505.116.135	361.496.270
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	496.374.139	80.380.822
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.611.203.276)	(2.611.203.276)
Hàng tồn kho	140	8	993.252.762	962.203.836
Hàng tồn kho	141		993.252.762	962.203.836
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.346.400	10.010.299
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	17.346.400	9.985.400
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.349.170.385.334	5.357.886.288.981
Tài sản cố định	220		5.348.068.266.556	5.356.963.664.254
Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.348.068.266.556	5.356.963.664.254
- Nguyên giá	222		6.423.673.905.976	6.442.037.261.568
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.075.605.639.420)	(1.085.073.597.314)
Tài sản dài hạn khác	260		1.102.118.778	922.624.727
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.102.118.778	922.624.727
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		5.378.554.637.889	5.382.771.968.769

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		19.251.594.609	14.914.622.240
Nợ ngắn hạn	310		19.251.594.609	14.914.622.240
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	378.318.302	1.775.731.302
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.512.474.200	15.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	387.661.737	796.873.637
Phải trả người lao động	314		1.043.426.676	2.909.810.293
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	9.823.862.489	502.111.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	262.873.502	238.586.345
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	618.067.695	641.815.295
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.224.910.008	8.034.694.368
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	5.359.303.043.280	5.367.857.346.529
Vốn chủ sở hữu	410		448.200.314.723	450.599.377.469
Vốn góp của chủ sở hữu	411		440.794.284.482	443.193.347.228
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.540.376.241	3.540.376.241
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.865.654.000	3.865.654.000
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.911.102.728.557	4.917.257.969.060
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.911.102.728.557	4.917.257.969.060
TỔNG NGUỒN VỐN	440		5.378.554.637.889	5.382.771.968.769



Nguyễn Văn Phú
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 04 tháng 8 năm 2023

Đinh Phú Thọ
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Phú
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2023- 30/06/2023 VND	01/01/2022- 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	33.200.092.140	29.298.921.825
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.200.092.140	29.298.921.825
Giá vốn hàng bán	11	18	26.702.901.137	23.460.937.420
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.497.191.003	5.837.984.405
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	185.026.914	133.313.289
Chi phí tài chính	22		4.356.164	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	6.676.025.007	6.000.752.677
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.836.746	(29.454.983)
Thu nhập khác	31		-	30.121.810
Chi phí khác	32		1.836.746	25.444.103
Lợi nhuận khác	40		(1.836.746)	4.677.707
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	(24.777.276)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	44.879.767
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-	(69.657.043)



Nguyễn Văn Phú
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 04 tháng 8 năm 2023

Đinh Phú Thọ
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Phú
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2023- 30/06/2023 VND	01/01/2022- 30/06/2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		44.893.039.399	37.267.860.392
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(1.784.453.363)	(3.214.511.713)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(18.244.477.221)	(18.854.622.433)
Tiền lãi vay đã trả	4		(4.356.164)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(494.382.365)	(202.726.097)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		959.658.733	672.149.882
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(14.878.201.419)	(13.466.259.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.446.827.600	2.201.890.511
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	15.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		185.026.914	133.313.289
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		185.026.914	(14.866.686.711)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		5.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.631.854.514	(12.664.796.200)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	13.935.653.657	17.459.656.066
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	24.567.508.171	4.794.859.866



Nguyễn Văn Phú
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 04 tháng 8 năm 2023

Đinh Phú Thọ
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Phú
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định), Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định. Hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259395; đăng ký lần đầu ngày 11/08/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/05/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 228 Nguyễn Văn Linh, khu vực Huỳnh Kim, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Vốn điều lệ của Công ty là: 435.588.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu đồng)*.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm các đơn vị sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp thủy lợi I (*)	Số 23 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
2	Xí nghiệp thủy lợi II (*)	Số 117, đường Quang Trung, thị trấn Ngô Mỹ, huyện Phù Cát, Bình Định
3	Xí nghiệp thủy lợi III (*)	Khu vực Cẩm Văn, Phường Nhơn Hưng, Thị xã An Nhơn, Bình Định
4	Xí nghiệp thủy lợi IV (*)	Thôn Công Chánh, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, Bình Định
5	Xí nghiệp thủy lợi V (*)	Thôn Trà Sơn, Xã Tây An, huyện Tây Sơn, Bình Định
6	Xí nghiệp Thủy Lợi Định Bình (*)	Thôn Định Nhất, xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh, Bình Định
7	Xí nghiệp Dịch vụ thủy lợi - Chi nhánh Công ty TNHH Công trình Thủy lợi Bình Định (**)	Thôn Thọ Tân Nam, xã Nhơn Tân, Thị xã An Nhơn, Bình Định
8	Xí nghiệp Tư vấn thiết kế thủy lợi - Chi nhánh Công ty TNHH Công trình Thủy lợi Bình Định (***)	Khu vực Huỳnh Kim, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Bình Định

(*) Xí nghiệp hoạt động phụ thuộc, hạch toán báo sổ.

(**) Xí nghiệp hoạt động độc lập, hạch toán phụ thuộc.

(***) Xí nghiệp đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi;
- Dịch vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Hoạt động du lịch tại các công trình thủy lợi;
- San ủi mặt bằng, cải tạo ruộng đồng;
- Khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi;
- Khảo sát, thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ mời thầu; Tư vấn tham gia dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình;
- Đầu tư khai thác công trình thủy điện;
- Thi công xây dựng sửa chữa các công trình thủy lợi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.3 LẬP DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng của Công ty được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Đối với hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chủ yếu là các công trình xây dựng dở dang chưa được xác định doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở các chi phí trực tiếp tại các công trình. Giá trị xây lắp dở dang được xác định mang tính ước tính cao và có thể thay đổi trong từng thời kỳ tùy thuộc vào chính sách của Công ty.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính Tỉnh Bình Định, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, ghi nhận tăng nguyên giá theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng; đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao hàng năm (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc thiết bị	7 - 8
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
- Tài sản cố định khác (*)	30 - 50

(*) Tài sản cố định khác của Công ty không phải trích khấu hao, bao gồm các loại:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Tài sản cố định là công trình thủy lợi được hạch toán theo Thông tư số 76/2019/TT-BTC ngày 05/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi. Theo đó, khi hạch toán tăng nguyên giá của tài sản cố định thuộc công trình thủy lợi sẽ ghi tăng nguồn kinh phí đã hình thành thành tài sản cố định trong kỳ, đồng thời khi hạch toán hao mòn tài sản cố định thuộc hạ tầng giao thông thủy lợi sẽ ghi giảm nguồn kinh phí đã hình thành thành tài sản cố định.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời gian không quá 36 tháng.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN (TIẾP)

Đối với doanh thu Thủy lợi phí:

Doanh thu thủy lợi phí bao gồm: Doanh thu trong hạn điền và doanh thu ngoài hạn điền.

- Doanh thu trong hạn điền là doanh thu thủy lợi phí đối với các Hợp tác xã nông nghiệp được ngân sách Nhà nước cấp 100% kinh phí dựa vào biên bản nghiệm thu sản lượng thực hiện giữa Công ty và các Hợp tác xã.
- Doanh thu ngoài hạn điền là doanh thu thủy lợi phí từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện cho các đơn vị bên ngoài, đơn giá thủy lợi phí được áp dụng theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định.

Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán

3.9 THUẾ

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thu nhập chịu thuế doanh nghiệp của Công ty được xác định theo kế hoạch đặt hàng được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt.

Thủy lợi phí trong hạn điền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, do vậy Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	593.885.907	8.440.966
<i>Văn phòng Công ty</i>	574.150.135	2.528.669
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	19.735.772	5.912.297
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.473.622.264	3.266.929.691
<i>Văn phòng Công ty</i>	8.191.721.954	3.196.462.021
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	281.900.310	70.467.670
Tiền đang chuyển	-	160.283.000
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	10.500.000.000
<i>Văn phòng Công ty</i>	15.000.000.000	10.500.000.000
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	500.000.000	-
Cộng	24.567.508.171	13.935.653.657

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại ngân hàng thương mại.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.294.690.861	12.117.138.180
- Khách hàng Văn phòng Công ty	5.294.690.861	12.117.138.180
+ <i>Ngân sách cấp bù Thủy lợi phí</i>	-	6.459.576.142
+ <i>Công ty Cổ phần thủy điện Định Bình</i>	1.540.895.053	1.471.015.487
+ <i>Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong</i>	2.964.864.101	3.063.729.170
+ <i>Công ty TNHH Cấp thoát nước miền Trung</i>	454.356.000	454.437.000
+ <i>Phải thu khách hàng khác</i>	334.575.707	668.380.381
- Khách hàng Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	-	-
Cộng	5.294.690.861	12.117.138.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	496.374.139	-	80.380.822	-
- Văn phòng Công ty	496.374.139	-	77.041.096	-
Lãi tiền gửi	-	-	77.041.096	-
Phải thu người lao động	189.497.660	-	-	-
Tạm ứng	187.183.700	-	-	-
Phải thu thuế TNCN	64.646.364	-	-	-
Phải thu khác	55.046.415	-	-	-
- Xí nghiệp Dịch vụ thủy lợi	-	-	3.339.726	-
Lãi tiền gửi	-	-	3.339.726	-
Cộng	496.374.139	-	80.380.822	-

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH
Phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn 01/01/2023 – 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. NỢ XẤU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	3.071.116.370	(2.611.203.276)	3.071.116.370	(2.611.203.276)
- Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	7.387.200	(7.387.200)	7.387.200	(7.387.200)
- xuất khẩu Bình Định				
- Công ty CP Thủy điện Văn Phong	3.063.729.170	(2.603.816.076)	3.063.729.170	(2.603.816.076)
Cộng	3.071.116.370		3.071.116.370	459.913.094

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	899.022.371	-	911.268.436	-
Văn phòng Công ty	896.637.370	-	898.126.890	-
Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	2.385.001	-	13.141.546	-
Công cụ, dụng cụ	9.281.400	-	50.935.400	-
Văn phòng Công ty	9.281.400	-	50.935.400	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	84.948.991	-	-	-
Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	84.948.991	-	-	-
Cộng	993.252.762	-	962.203.836	-

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH
Phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn 01/01/2023 – 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	42.295.054.622	148.256.850.471	28.356.306.718	9.310.808.000	6.213.818.241.757	6.442.037.261.568
- Nhà nước cấp tài sản hạ tầng thủy lợi	-	235.000.000	630.995.818	213.508.300	36.431.479.000	37.510.983.118
- Điều chỉnh nguyên giá theo Quyết định Nhà nước cấp	-	-	-	-	(44.194.074.895)	(44.194.074.895)
- Phá dỡ, xây dựng công trình mới theo Quyết định của Nhà nước	(530.731.000)	-	-	-	(11.149.532.815)	(11.680.263.815)
30/06/2023	41.764.323.622	148.491.850.471	28.987.302.536	9.524.316.300	6.194.906.113.047	6.423.673.905.976

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2023	(11.868.867.630)	(1.783.819.088)	(14.114.942.899)	(1.230.323.241)	(1.056.075.644.456)	(1.085.073.597.314)
- Khấu hao trong kỳ	-	(89.146.000)	(17.902.769)	(24.496.000)	-	(131.544.769)
- Điều chỉnh theo Quyết định Nhà nước cấp	-	-	-	-	2.946.271.660	2.946.271.660
- Phá dỡ, xây dựng công trình mới theo Quyết định của Nhà nước	107.673.020	-	-	-	6.545.557.983	6.653.231.003
30/06/2023	(11.761.194.610)	(1.872.965.088)	(14.132.845.668)	(1.254.819.241)	(1.046.583.814.813)	(1.075.605.639.420)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2023	30.426.186.992	146.473.031.383	14.241.363.819	8.080.484.759	5.157.742.597.301	5.356.963.664.254
30/06/2023	30.003.129.012	146.618.885.383	14.854.456.868	8.269.497.059	5.148.322.298.234	5.348.068.266.556

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 30/06/2023: 23.457.567.173 đồng (không bao gồm TSCĐ không phải trích khấu hao).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	17.346.400	9.985.400
- Phí Bảo hiểm, phí đường bộ xe ô tô, khác	17.346.400	9.985.400
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>17.346.400</i>	<i>9.985.400</i>
Dài hạn	1.102.118.778	922.624.727
- Phí Bảo hiểm, phí đường bộ xe ô tô, khác	20.511.000	-
- Chi phí giấy phép khai thác sử dụng nước hồ	431.414.733	360.171.933
<i>Định Bình</i>		
- Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ	650.193.045	562.452.794
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>643.806.680</i>	<i>552.657.339</i>
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	<i>6.386.365</i>	<i>9.795.455</i>
Cộng	1.119.465.178	932.610.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	378.318.302	378.318.302	1.775.731.302	1.775.731.302
- Văn phòng Công ty	378.318.302	378.318.302	1.736.401.302	1.736.401.302
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng dịch vụ An Phát	-	-	24.075.000	24.075.000
+ Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Khai Toàn	18.292.000	18.292.000	365.290.000	365.290.000
+ Công ty TNHH Xây lắp Thành Tâm	126.284.000	126.284.000	387.035.000	387.035.000
+ Công ty TNHH Bảo Phong	12.413.000	12.413.000	247.867.000	247.867.000
+ Phải trả đối tượng khác	221.329.302	221.329.302	712.134.302	712.134.302
- Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	-	-	39.330.000	39.330.000
Cộng	378.318.302	378.318.302	1.775.731.302	1.775.731.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài nguyên
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Thuế và phí, lệ phí khác

Cộng

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /khấu trừ trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
	227.873.316	380.091.115	275.705.854	332.258.577
	494.382.365	-	494.382.365	-
	(24.899)	72.591.318	47.258.459	25.307.960
	74.617.956	30.095.200	74.617.956	30.095.200
	-	156.087.541	156.087.541	-
	-	10.000.000	10.000.000	-
	796.848.738	648.865.174	1.058.052.175	387.661.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	9.823.862.489	502.111.000
- Chi phí sửa chữa công trình nhận bàn giao từ các Hợp tác xã	-	52.832.000
- Chi phí lắp đặt Camera và thiết bị đo mực nước tự động tại các hồ, đập	-	449.279.000
- Chi phí trích trước dịch vụ thủy lợi	9.823.862.489	-
Cộng	9.823.862.489	502.111.000

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	262.873.502	238.586.345
- Kinh phí công đoàn	3.090.000	-
- Phải trả chi phí thẩm tra quyết toán	75.533.502	83.549.802
- Phải trả khác - Văn phòng Công ty	24.750.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	159.500.000	155.036.543
Cộng	262.873.502	238.586.345

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	618.067.695	641.815.295
- Chi phí sửa chữa, duy tu công trình thủy lợi	618.067.695	641.815.295
	618.067.695	641.815.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	442.756.118.290	301.375.257	3.895.141.000	4.439.358.122.479	4.420.077.850	4.890.730.834.876
- Tăng vốn trong năm trước	437.228.938	-	-	1.416.347.075.674	-	1.416.784.304.612
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	10.362.211.516	10.362.211.516
- Kết chuyển tăng quỹ đầu tư phát triển	-	3.239.000.984	-	-	(3.239.000.984)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(11.543.288.382)	(11.543.288.382)
- Kết chuyển nguồn hình thành tài sản	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	(29.487.000)	(938.447.229.093)	-	(938.476.716.093)
31/12/2022	443.193.347.228	3.540.376.241	3.865.654.000	4.917.257.969.060	-	5.367.857.346.529
01/01/2023	443.193.347.228	3.540.376.241	3.865.654.000	4.917.257.969.060	-	5.367.857.346.529
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	40.243.746.478	-	40.243.746.478
- Kết chuyển nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	(2.399.062.746)	-	-	2.399.062.746	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	(48.798.049.727)	-	(48.798.049.727)
30/06/2023	440.794.284.482	3.540.376.241	3.865.654.000	4.911.102.728.557	-	5.359.303.043.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	01/01/2023- 30/06/2023 VND	01/01/2022- 30/06/2022 VND
Doanh thu thủy lợi phí cấp bù	26.493.296.658	26.858.986.901
Doanh thu cung cấp dịch vụ - cấp nước thủy điện	5.623.784.405	1.365.284.376
Doanh thu cấp nước khác	660.475.942	465.534.800
Doanh thu khác	422.535.135	609.115.748
Cộng	33.200.092.140	29.298.921.825

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	01/01/2023- 30/06/2023 VND	01/01/2022- 30/06/2022 VND
Giá vốn dịch vụ thủy lợi phí cấp bù, dịch vụ cấp nước	26.348.952.362	23.219.209.132
Giá vốn khác	353.948.775	241.728.288
Cộng	26.702.901.137	23.460.937.420

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	01/01/2023- 30/06/2023 VND	01/01/2022- 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	185.026.914	133.313.289
Cộng	185.026.914	133.313.289

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	01/01/2023- 30/06/2023 VND	01/01/2022- 30/06/2022 VND
Chi phí cho nhân viên	4.185.066.796	3.191.662.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.499.429	108.769.429
Thuế phí, lệ phí	65.663.448	145.825.698
Chi phí quản lý tại các Xí nghiệp Thủy lợi	657.194.845	556.842.719
Chi phí quản lý tại Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	140.536.608	153.268.251
Chi phí khác	1.624.063.881	1.844.384.220
Cộng	6.676.025.007	6.000.752.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	01/01/2023- 30/06/2023 VND	01/01/2022- 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.364.777.547	2.764.412.102
Chi phí nhân công	19.544.902.376	17.579.345.485
Khấu hao tài sản cố định	131.544.769	248.207.817
Thuế phí, lệ phí	112.829.980	205.950.840
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.684.090	8.524.559
Chi phí bằng tiền khác	11.621.437.163	8.882.952.801
Cộng	33.779.175.925	29.689.393.604

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn 01/01/2022 - 30/6/2022 chưa được soát xét, kiểm toán.





Nguyễn Văn Phú
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 04 tháng 8 năm 2023



Đinh Phú Thọ
Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc Phú
Người lập